

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021- 2022

NHÓM 25-36 THÁNG

TT	Mục tiêu GD năm	Nội dung GD năm	Chủ đề/ thực hiện								
			Bé với các bạn	ĐDDC Cửa bé	Các cô bác trong TMN	Mẹ và những người thân yêu	Những con vật đáng yêu	Những PTGT bé biết	Tết và mùa xuân	Cây và những bông hoa đẹp	Mùa hè đến rồi
	- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp										
1	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	<i>*Các động tác hô hấp:</i>									
		- Hít vào, thở ra	X	X							
		- Thổi nơ			X	X					X
		- Gà gáy					X				
		- Ngủ hoa							X	X	
		- Máy bay						X			
		<i>Tay - vai :</i>									
		- Hai tay đưa lên cao	X	X							
		- Hai tay đưa ra phía trước			X	X					
		- Hai tay đưa sang ngang					X	X	X		
		- Đưa hai tay ra phía sau kết hợp với lắc bàn tay								X	X
		<i>Bụng - lườn:</i>									
		- Đứng cúi người về trước	X	X	X						

		- Nghiêng người sang hai bên				X	X	X			
		- Vặn người sang 2 bên							X	X	X
		Chân:									
		- Ngồi xuống, đứng lên	X	X	X	X	X				
		- Co, duỗi từng chân						X	X	X	X
- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu											
2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi / chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	- Đi trong đường hẹp	X								
		- Đi đều bước								X	
		- Đi trong đường ngoằn ngoèo									
		- Đi có mang vật trên tay		X							
		- Đi có mang vật trên đầu.			X						
		- Đi theo hiệu lệnh.					X				
		- Đi theo nhịp.							X		
		- Đi kiễng chân				X					
		- Đi kiễng chân tay giữ vật trên đầu									X

		- Chạy theo hướng thẳng.									
		- Chạy theo hướng đã định, bò chui qua cổng.			X						
		- Đứng co 1 chân							X		
3		- Tung - bắt bóng cùng cô				X					
		- Tung bóng bằng hai tay từ phía dưới, tung cao khoảng 30-35 cm.						X			
		- Lăn bóng bằng hai tay vào đích xa (1m - 1m20)								X	
		- Ném bóng vào đích	X								
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng		X							
		- Bò chui qua cổng.	X								

		- Bò chui qua cổng, trườn về đích.				X					
		- Bò trong đường hẹp 35-40 cm có mang vật trên lưng.			X						
		- Bò cao theo hướng zích zắc									
		- Bò cao bằng bàn tay và bàn chân.							X		
		- Bò qua vật cản					X				
		- Trườn đến đích	X								
		- Trườn dưới vật cao 30-35 cm						X			
		- Trườn chui qua cổng.									
5	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong	- Ném bóng về phía trước							X		
		- Ném bóng vào đích nằm ngang			X						

	vận động ném, đá bóng.	xa 0,7 - 1m, đường kính 50cm.									
		- Nhảy bật tại chỗ, trườn đến đích.								X	
		- Nhảy xa bằng hai chân.						X			
		- Nhảy xa bằng hai chân, ném bóng trúng đích nằm ngang.					X				
		- Bật qua vạch kẻ.					X				
		- Nhảy xa, đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.									X
		- Nhảy bật tại chỗ lăn bóng vào đích.		X							
		- Trèo lên xuống bụi cao 25cm.									X
	- Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay.										
6	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau.		X					X		

		- Rót, nhào, khuấy, đảo.								X	
		- Vò xé.						X			X
		- Nhón nhặt đồ vật		X			X				
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động.	- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi				X				X	
		- Đóng cọc bàn gỗ.						X			
		- Chắp ghép hình.							X		
		- Chồng, xếp 6-8 khối.			X						
		- Tập cầm bút tô, vẽ.				X					
		- Lật mở trang sách					X				X
	- Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt										
8	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.		X							
		- Làm quen một số món ăn, thực phẩm của nhà trường.			X		X				
		- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.		X				X			
9	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa	X								

10	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.		X				X			
		- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.				X					
	- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe										
11	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn	- Xúc cơm, uống nước, đi vệ sinh			X						
		- Chuẩn bị chỗ ngủ.						X			
		- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay trước khi ăn, khi bẩn; lau mặt, uống nước sau khi ăn.		X							
		- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.					X				X
12	Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo mỏng khi trời nóng, lạnh.				X					X
	- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn										

13	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm (ao, hồ, sông, ngòi, ổ điện...) không được phép sờ vào hoặc đến gần (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng)				X					X
14	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...)				X					X

II. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức.

	- Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan										
15	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ...hiện tượng, đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.		X			X				
									X	X	

		- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì		X							
		- Ném vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn – chua).			X				X		
	- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.										
16	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		X		X					
17	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	-Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	X		X						
		-Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.				X					
		-Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp			X						
18	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	X								
	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ	-Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, con vật, rau, hoa, quả					X	X	X	X	X

19	vật, hoa quả, PTGT con vật, HTTN, quen thuộc, quê hương Tân quang của bé	PTGT, quen thuộc, HTTN..									
		- Tên gọi, hoạt động của một số địa điểm nơi công cộng gần gũi như: Trường học; Trạm xá...			X						
20	Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh		X					X		
		- Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm lớp.		X							
21	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ.						X		X	
		- Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.									
		- Số lượng một - nhiều.								X	X
		- Hình tròn, hình vuông		X				X			
22	Nhận biết một số lễ hội										
	Trẻ kể được tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh..	- Tên, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm học (Ngày khai giảng, Tết trung thu, Ngày 20/11...)		X	X					X	

II. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ.

	Nghe hiểu lời nói										
23	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.					X		X		
24	Trẻ biết trả lời các câu hỏi khi được hỏi.	- Nghe và hiểu các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? (Ví dụ: Con gà gáy thế nào?).		X						X	
25	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn, đơn giản: Trả lời các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Lắng nghe cô kể chuyện.	X		X		X		X		
		- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.				X				X	
		- Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu									
26	Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.				X				X	
27	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	X	X	X	X	X	X	X	X	X

	với sự giúp đỡ của cô giáo.										
	- Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp										
28	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc, gần gũi trẻ	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.					X				X
		- Trò chuyện về chủ đề, về các hiện tượng tự nhiên,			X						X
		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.							X		
29	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp					X				
		- Chào hỏi, trò chuyện.	X								
		- Bày tỏ nhu cầu của bản thân.			X		X				
		+ Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...		X			X				
30	Trẻ không nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn				X			X		

IV. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và phát triển thẩm mỹ.											
	- Biểu lộ sự nhận thức về bản thân										
31	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	X								
		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.			X					X	
32	Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi mà mình thích hoặc không thích		X				X			
		- Một số loại hoa quả, rau củ mà mình thích hoặc không thích								X	
- Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.											
33	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.			X				X		
34	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	X					X			

35	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	-Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.									X
36	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.					X				
		- Bắt chước tiếng kêu của các con vật.					X				
	- Thực hiện hành vi xã hội đơn giản										
37	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	-Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, ‘vâng ă”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	X		X				X		
38	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ	- Tham gia các trò chơi cùng bạn (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	X							X	
		- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi		X					X		
39	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	X	X				X			

40	Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định		X							
	- Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.										
41	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	-Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.,		X		X		X			X
42	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	-Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		- Xem tranh.	X	X	X	X	X	X	X	X	X